



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 28.2.2026 - TRÌNH ĐỘ HSK 5 - LE 3.11

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H52622850200001000	NGUYEN VAN HOANG ANH	男	2008-05-06	038208011413	LE 3.11	
2	H52622850200001001	NGUYEN THI QUYNH ANH	女	2003-11-03	038303010139	LE 3.11	
3	H52622850200001002	HAC THI LINH MAI	女	2004-10-14	038304009972	LE 3.11	
4	H52622850200001003	NGUYEN THI HAI YEN	女	2004-04-29	038304018902	LE 3.11	
5	H52622850200001004	MAI THI DIEU LINH	女	2007-09-03	038307015541	LE 3.11	
6	H52622850200001005	VU LINH CHI	女	2007-03-05	038307023907	LE 3.11	
7	H52622850200001006	HOANG THANH NGA	女	2008-09-14	038308009132	LE 3.11	
8	H52622850200001007	NGO THI MINH CHAU	女	2008-10-19	038308009447	LE 3.11	
9	H52622850200001008	VU THI MINH HONG	女	2008-02-15	038308012104	LE 3.11	
10	H52622850200001009	DO THI TUYET NHI	女	2008-07-25	038308015060	LE 3.11	
11	H52622850200001010	DAM TRAN HA ANH	女	2008-06-09	038308015698	LE 3.11	
12	H52622850200001011	NGUYEN THI NGOC ANH	女	1997-09-10	040197021373	LE 3.11	
13	H52622850200001012	NGUYEN NGOC HOAT	男	2008-05-01	040208017027	LE 3.11	
14	H52622850200001013	NGUYEN HUU TRONG	男	2008-11-04	040208025432	LE 3.11	
15	H52622850200001014	PHUNG THI MY NGA	女	2008-11-13	040308002261	LE 3.11	
16	H52622850200001015	TRAN KHANH HUYEN	女	2008-02-11	040308005963	LE 3.11	
17	H52622850200001016	NGUYEN THUY TRAM	女	2008-03-06	040308008305	LE 3.11	
18	H52622850200001017	UONG THI HUYEN	女	2000-11-20	042300007945	LE 3.11	
19	H52622850200001018	TRAM QUANG VINH	男	2003-08-28	056203006838	LE 3.11	
20	H52622850200001019	TRAN THI AI VAN	女	1983-12-14	068183001267	LE 3.11	
21	H52622850200001020	NGUYEN THI KHANH LINH	女	2002-09-01	068302002890	LE 3.11	
22	H52622850200001021	VO THI HOANG OANH	女	2006-02-23	068306012954	LE 3.11	
23	H52622850200001022	MAO MY HUONG	女	1998-04-12	070198000254	LE 3.11	
24	H52622850200001023	HO QUOC KHANH	男	2007-09-02	074207010115	LE 3.11	
25	H52622850200001024	PHAM NGUYEN TUONG VY	女	2003-07-25	074303007010	LE 3.11	
26	H52622850200001025	DAO THI NGOC ANH	女	1999-10-16	075199001761	LE 3.11	
27	H52622850200001026	LE GIA HUY	男	2008-03-04	075208016129	LE 3.11	
28	H52622850200001027	NGUYEN QUANG VINH	男	2008-03-05	079208030145	LE 3.11	
29	H52622850200001028	TRAN NGUYEN KIM NGAN	女	2002-10-11	079302013749	LE 3.11	
30	H52622850200001029	NGUYEN HA XUAN NHA	女	2007-05-29	079307034474	LE 3.11	
31	H52622850200001030	PHAN THI HAN	女	2005-11-26	080305001907	LE 3.11	
32	H52622850200001031	NGUYEN NGOC BICH TRAM	女	2005-07-22	082305011563	LE 3.11	
33	H52622850200001032	LE THI NGOC THAM	女	2005-01-06	087305011456	LE 3.11	
34	H52622850200001033	TRAN MINH CHI	女	2006-01-09	101306006943	LE 3.11	
35	H52622850200001034	TRAN THI HUYNH NHU	女	1996-12-18	C6607690	LE 3.11	
36	H52622850200001035	LE MAI PHUONG	女	2007-06-08	E03463819	LE 3.11	
37	H52622850200001036	PHAM PHUONG THAO	女	2005-04-19	P02125407	LE 3.11	
38	H52622850200001037	NGUYEN THI NGA	女	2005-05-04	P03550757	LE 3.11	
39	H52622850200001038	SOUVATHDY KHUNTHALY	女	2007-09-13	PA0504273	LE 3.11	



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 28.2.2026 - TRÌNH ĐỘ HSK 5 - LE 4.12

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H52622850200001039	CAO THI HONG NGOC	女	2006-02-14	033306011499	LE 4.12	
2	H52622850200001040	DO KHANH LY	女	2008-12-14	033308005023	LE 4.12	
3	H52622850200001041	VU LE KIEU ANH	女	2008-02-07	033308010927	LE 4.12	
4	H52622850200001042	PHAM THI KIEU	女	1999-05-19	034199005282	LE 4.12	
5	H52622850200001043	DOAN VAN MANH	男	2000-09-05	034200008746	LE 4.12	
6	H52622850200001044	NGUYEN THI HA	女	2001-09-27	034301007299	LE 4.12	
7	H52622850200001045	TRAN THI THU	女	2001-05-31	034301008569	LE 4.12	
8	H52622850200001046	NGUYEN THI LINH	女	2003-09-28	034303000837	LE 4.12	
9	H52622850200001047	BUI HAI ANH	女	2004-11-30	034304000819	LE 4.12	
10	H52622850200001048	PHAM KHANH DUONG	女	2005-12-03	034305005873	LE 4.12	
11	H52622850200001049	HA BINH MINH	女	2005-06-19	034305009465	LE 4.12	
12	H52622850200001050	DANG NGUYET ANH	女	2006-07-21	034306001230	LE 4.12	
13	H52622850200001051	NGO HA MY	女	2007-02-09	034307003517	LE 4.12	
14	H52622850200001052	VU THAO MY	女	2007-11-04	034307007039	LE 4.12	
15	H52622850200001053	VU NGOC HA	女	2008-03-23	034308001368	LE 4.12	
16	H52622850200001054	BUI KHANH LINH	女	2008-01-14	034308003174	LE 4.12	
17	H52622850200001055	DO HONG NGOC	女	2008-03-01	034308015516	LE 4.12	
18	H52622850200001056	TRAN THI THUY HAI	女	2000-01-21	035300001924	LE 4.12	
19	H52622850200001057	LE HUYEN CHI	女	2003-08-02	035303003561	LE 4.12	
20	H52622850200001058	TRAN MINH NGUYET	女	2008-04-04	035308002329	LE 4.12	
21	H52622850200001059	DINH THI LINH NHI	女	2008-12-23	035308004184	LE 4.12	
22	H52622850200001060	TRAN THI HOAI	女	1995-08-12	036195002450	LE 4.12	
23	H52622850200001061	NGUYEN THI BICH DAO	女	1995-09-13	036195005488	LE 4.12	
24	H52622850200001062	NGUYEN THI THUY DUONG	女	1996-11-06	036196005324	LE 4.12	
25	H52622850200001063	TRINH THANH CONG	男	2006-05-15	036206000184	LE 4.12	
26	H52622850200001064	DOAN THI NHU QUYNH	女	2001-12-06	036301011065	LE 4.12	
27	H52622850200001065	VU THI DIEU QUYNH	女	2002-09-07	036302009543	LE 4.12	
28	H52622850200001066	NGUYEN THI LUA HA	女	2003-09-06	036303003711	LE 4.12	
29	H52622850200001067	BUI NGOC SAO MAI	女	2003-09-28	036303005137	LE 4.12	
30	H52622850200001068	DO PHUONG LINH	女	2006-05-08	036306003638	LE 4.12	
31	H52622850200001069	PHAM THUY LINH	女	2007-09-26	036307010721	LE 4.12	
32	H52622850200001070	CAO ANH DIEU LINH	女	2007-10-06	036307015460	LE 4.12	
33	H52622850200001071	VU HOANG LY	女	2008-01-18	036308000029	LE 4.12	
34	H52622850200001072	NGUYEN NGOC ANH	女	2008-07-28	036308000189	LE 4.12	
35	H52622850200001073	VU THI HOA	女	1992-06-10	037192005976	LE 4.12	
36	H52622850200001074	NGUYEN DINH DAT	男	2003-10-15	037203005132	LE 4.12	
37	H52622850200001075	PHAN THI LAN	女	2008-09-29	0373000203	LE 4.12	
38	H52622850200001076	NGUYEN TRAN KHANH LY	女	2007-11-13	037307004789	LE 4.12	



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 28.2.2026 - TRÌNH ĐỘ HSK 5 - LE 4.14

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H52622850200001077	BUI THI THANH HUYEN	女	2004-02-26	024304014854	LE 4.14	
2	H52622850200001078	TRAN THI NHAT LINH	女	2005-06-03	024305012608	LE 4.14	
3	H52622850200001079	NGUYEN THI NGHIA	女	2006-04-29	024306004191	LE 4.14	
4	H52622850200001080	NGUYEN PHUONG TRA	女	2007-07-26	024307000633	LE 4.14	
5	H52622850200001081	LUC THI TUYET ANH	女	2007-09-30	024307012587	LE 4.14	
6	H52622850200001082	LEO THI BICH DIEP	女	2007-11-29	024307015298	LE 4.14	
7	H52622850200001083	TRAN HA PHUONG	女	2008-12-30	024308000594	LE 4.14	
8	H52622850200001084	NGUYEN MINH HIEN	女	2008-06-07	024308001810	LE 4.14	
9	H52622850200001085	TRAN PHUONG MAI	女	2008-08-06	024308002290	LE 4.14	
10	H52622850200001086	THANG THI HONG QUYEN	女	2008-05-04	024308002381	LE 4.14	
11	H52622850200001087	LE NGOC MINH CHAU	女	2008-03-02	024308003564	LE 4.14	
12	H52622850200001088	TRINH THUY LINH	女	2008-02-10	024308003581	LE 4.14	
13	H52622850200001089	NGUYEN THI THUY LINH	女	2008-01-17	024308005562	LE 4.14	
14	H52622850200001090	LE HOANG PHUONG MAI	女	2008-10-22	024308006109	LE 4.14	
15	H52622850200001091	NGUYEN HA LINH	女	2008-05-28	024308007990	LE 4.14	
16	H52622850200001092	NGUYEN THI NHU QUYNH	女	2008-04-22	024308008570	LE 4.14	
17	H52622850200001093	TA ANH NGUYET	女	2008-11-10	024308008717	LE 4.14	
18	H52622850200001094	NGUYEN THI THANH HUYEN	女	2008-03-19	024308010551	LE 4.14	
19	H52622850200001095	PHAM DUONG KHANH HUYEN	女	2008-02-10	024308010690	LE 4.14	
20	H52622850200001096	NGUYEN THI QUYNH ANH	女	2008-05-10	024308014130	LE 4.14	
21	H52622850200001097	VU THI THU HUONG	女	1990-02-03	025190015200	LE 4.14	
22	H52622850200001098	CAO DANG DUC ANH	男	2006-03-16	025206004119	LE 4.14	
23	H52622850200001099	HA TRI TRUNG	男	2008-09-21	025208003122	LE 4.14	
24	H52622850200001100	HA DUC HIEU	男	2008-09-21	025208003859	LE 4.14	
25	H52622850200001101	HOANG HUONG GIANG	女	2003-10-26	025303010426	LE 4.14	
26	H52622850200001102	BUI TRA MY	女	2005-05-27	025305011314	LE 4.14	
27	H52622850200001103	NGUYEN THANH THANH HUYEN	女	2008-10-10	025308003224	LE 4.14	
28	H52622850200001104	NGUYEN THI KIM OANH	女	2008-08-06	025308006889	LE 4.14	
29	H52622850200001105	PHUNG THAO VY	女	2008-01-08	025308012346	LE 4.14	
30	H52622850200001106	NGUYEN DUC MANH	男	2006-10-01	026206004004	LE 4.14	
31	H52622850200001107	TRAN THANH THUY	女	2002-09-17	026302003001	LE 4.14	
32	H52622850200001108	NGUYEN THI QUYNH HOA	女	2004-02-26	026304007985	LE 4.14	
33	H52622850200001109	TRUONG THI HAI YEN	女	2007-07-16	026307004821	LE 4.14	
34	H52622850200001110	TRAN ANH DAO	女	2008-10-01	026308001177	LE 4.14	
35	H52622850200001111	NGUYEN VAN ANH	女	2008-11-25	026308001840	LE 4.14	
36	H52622850200001112	DO HIEN TRANG	女	2008-03-10	026308008884	LE 4.14	
37	H52622850200001113	DUONG THI CHAU GIANG	女	2008-01-14	026308010892	LE 4.14	
38	H52622850200001114	TRAN THI HIEN	女	1990-05-23	027190006193	LE 4.14	



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 28.2.2026 - TRÌNH ĐỘ HSK 5 - LE 5.17

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H52622850200001115	NGUYEN THI THU THUY	女	2004-09-12	020304000444	LE 5.17	
2	H52622850200001116	LY LE THAO MAI	女	2004-10-19	020304002116	LE 5.17	
3	H52622850200001117	HOANG THI MINH KHUE	女	2006-04-02	020306000345	LE 5.17	
4	H52622850200001118	VU THUY TRANG	女	2006-06-25	020306000745	LE 5.17	
5	H52622850200001119	DAM THI LE HANG	女	2007-05-15	020307000791	LE 5.17	
6	H52622850200001120	CHU QUYNH ANH	女	2007-12-15	020307007656	LE 5.17	
7	H52622850200001121	LY DIEU HUONG	女	2008-03-08	020308003451	LE 5.17	
8	H52622850200001122	NONG DIEU LINH	女	2008-11-12	020308007040	LE 5.17	
9	H52622850200001123	NGUYEN HA MINH	女	2008-08-22	020308007585	LE 5.17	
10	H52622850200001124	LY VAN THAI	男	1997-04-18	022097010699	LE 5.17	
11	H52622850200001125	PHAM VAN HIEU	男	1999-05-03	022099005457	LE 5.17	
12	H52622850200001126	DINH VAN THE SON	男	2000-11-01	022200005155	LE 5.17	
13	H52622850200001127	HOANG THU HA	女	2000-09-26	022300007074	LE 5.17	
14	H52622850200001128	VU THI KIM XUYEN	女	2002-09-06	022302006437	LE 5.17	
15	H52622850200001129	VU THI THANH	女	2003-03-05	02230300265	LE 5.17	
16	H52622850200001130	LUC THI CAM	女	2005-03-26	022305001846	LE 5.17	
17	H52622850200001131	LE BICH AN	女	2005-07-03	022305004405	LE 5.17	
18	H52622850200001132	DANG MAI ANH	女	2006-03-19	022306002336	LE 5.17	
19	H52622850200001133	DOAN PHUONG LINH	女	2006-02-21	022306002954	LE 5.17	
20	H52622850200001134	PHAM THUY TRANG	女	2006-09-18	022306003274	LE 5.17	
21	H52622850200001135	HUA HONG ANH	女	2006-08-07	022306004827	LE 5.17	
22	H52622850200001136	PHAM THI HONG QUY	女	2006-06-04	022306006973	LE 5.17	
23	H52622850200001137	BUI PHUONG THAO	女	2007-04-25	022307002891	LE 5.17	
24	H52622850200001138	PHAM THI THAO	女	2007-01-13	022307007562	LE 5.17	
25	H52622850200001139	PHAM NGOC ANH	女	2007-08-14	022307008544	LE 5.17	
26	H52622850200001140	PHAM HA KHANH LINH	女	2007-11-29	022307011389	LE 5.17	
27	H52622850200001141	LUU THI BICH NGA	女	2008-01-12	022308002569	LE 5.17	
28	H52622850200001142	HOANG VAN	女	2008-01-20	022308002634	LE 5.17	
29	H52622850200001143	NGUYEN HONG ANH	女	2008-08-08	022308009279	LE 5.17	
30	H52622850200001144	DUONG TUAN ANH	男	2000-11-12	024200014102	LE 5.17	
31	H52622850200001145	TA VAN NGUYEN	男	2005-08-22	024205007569	LE 5.17	
32	H52622850200001146	NGUY THE MINH	男	2008-07-01	024208007380	LE 5.17	
33	H52622850200001147	NGUYEN PHAN DUY	男	2008-09-22	024208012561	LE 5.17	
34	H52622850200001148	PHAM QUANG DAT	男	2008-09-24	024208013270	LE 5.17	
35	H52622850200001149	VI VAN HUY	男	2009-04-22	024209009712	LE 5.17	
36	H52622850200001150	NGUYEN THI TU ANH	女	2000-11-18	024300003355	LE 5.17	
37	H52622850200001151	CHU QUYNH GIANG	女	2003-08-14	024303000433	LE 5.17	
38	H52622850200001152	TRAN KIM OANH	女	2003-06-10	024303007238	LE 5.17	



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 28.2.2026 - TRÌNH ĐỘ HSK 5 - LE 5.18

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H52622850200001153	PHAM THI DIEU LINH	女	2005-12-17	012305000574	LE 5.18	
2	H52622850200001154	NGO UYEN TRANG	女	2006-06-11	012306000933	LE 5.18	
3	H52622850200001155	DANG NGOC DIEP	女	2007-04-10	014307003929	LE 5.18	
4	H52622850200001156	NGUYEN SONG THU	女	2008-01-22	014308000129	LE 5.18	
5	H52622850200001157	TRAN NGOC BAO HUYEN	女	2008-06-27	014308002416	LE 5.18	
6	H52622850200001158	LUU HA HOAI THUONG	女	2008-02-13	014308011435	LE 5.18	
7	H52622850200001159	PHAM KHANH HUYEN	女	2003-08-06	015303001207	LE 5.18	
8	H52622850200001160	HOANG THU HIEN	女	2004-07-28	015304001467	LE 5.18	
9	H52622850200001161	TRAN HUYEN TRANG	女	2008-02-01	015308004849	LE 5.18	
10	H52622850200001162	TRAN NHAT ANH	女	2008-07-30	015308009192	LE 5.18	
11	H52622850200001163	LE QUYNH TRANG	女	2004-05-04	017304005769	LE 5.18	
12	H52622850200001164	PHAM THU HUYEN	女	2008-08-22	017308007706	LE 5.18	
13	H52622850200001165	NGUYEN VAN MANH	男	1999-03-10	019099002704	LE 5.18	
14	H52622850200001166	DUONG THI THU HIEN	女	1984-01-16	019184000253	LE 5.18	
15	H52622850200001167	DANG VAN HOANG	男	2002-09-02	019202006211	LE 5.18	
16	H52622850200001168	KIEU NHU QUYNH	女	2000-10-21	019300009928	LE 5.18	
17	H52622850200001169	NGUYEN THI HONG NGOC	女	2002-09-10	019302004115	LE 5.18	
18	H52622850200001170	LE THI THANH TRUC	女	2003-05-26	019303003376	LE 5.18	
19	H52622850200001171	DUONG THI CHUC	女	2003-11-30	019303008145	LE 5.18	
20	H52622850200001172	NGUYEN THI THU TRANG	女	2004-10-30	019304001865	LE 5.18	
21	H52622850200001173	LANG THI THANH	女	2004-02-23	019304006147	LE 5.18	
22	H52622850200001174	TRAN THI MO	女	2004-12-02	019304007566	LE 5.18	
23	H52622850200001175	DUONG THU HA	女	2005-11-25	019305002131	LE 5.18	
24	H52622850200001176	KHUC THUY TIEN	女	2006-09-01	019306007620	LE 5.18	
25	H52622850200001177	NGO THAI TRAM	女	2006-09-28	019306009622	LE 5.18	
26	H52622850200001178	LUU THU THUY	女	2007-01-09	019307000018	LE 5.18	
27	H52622850200001179	NGUYEN THUY LINH	女	2007-05-27	019307002295	LE 5.18	
28	H52622850200001180	DANG PHUONG OANH	女	2007-05-25	019307004279	LE 5.18	
29	H52622850200001181	NGO THU HIEN	女	2008-09-13	019308001101	LE 5.18	
30	H52622850200001182	NGO THI QUYNH ANH	女	2008-04-03	019308001377	LE 5.18	
31	H52622850200001183	NGUYEN THAO ANH	女	2008-09-08	019308006447	LE 5.18	
32	H52622850200001184	PHAM TRINH ANH THU	女	2008-10-10	019308007535	LE 5.18	
33	H52622850200001185	VUONG THUY QUYNH	女	1998-03-26	020198005425	LE 5.18	
34	H52622850200001186	NGUYEN THE QUYEN	男	2004-10-20	020204000680	LE 5.18	
35	H52622850200001187	AU SI LUAN	男	2007-02-24	020207006816	LE 5.18	
36	H52622850200001188	VI NGOC ANH	女	2002-06-12	020302006308	LE 5.18	
37	H52622850200001189	LANG PHUONG LAN	女	2003-01-19	020303002553	LE 5.18	
38	H52622850200001190	LAM THI CHI	女	2003-11-14	020303003027	LE 5.18	



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 28.2.2026 - TRÌNH ĐỘ HSK 5 - LE 5.21

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H52622850200001191	DAO TO NHU QUYNH	女	2008-08-13	001308012918	LE 5.21	
2	H52622850200001192	NGUYEN KHANH LY	女	2008-11-06	001308013048	LE 5.21	
3	H52622850200001193	NGUYEN HONG QUYEN	女	2008-10-02	001308013800	LE 5.21	
4	H52622850200001194	PHAM KHANH LINH	女	2008-11-17	001308013976	LE 5.21	
5	H52622850200001195	DAO YEN NHI	女	2008-02-29	001308017740	LE 5.21	
6	H52622850200001196	TRAN TUE MINH	女	2008-02-22	001308018391	LE 5.21	
7	H52622850200001197	LE THANH THUY	女	2008-03-07	001308022680	LE 5.21	
8	H52622850200001198	NGUYEN CHI MAI	女	2008-12-15	001308024611	LE 5.21	
9	H52622850200001199	DANG KHANH NGOC	女	2008-01-05	001308027203	LE 5.21	
10	H52622850200001200	NGUYEN TRUC LINH	女	2008-04-20	001308028063	LE 5.21	
11	H52622850200001201	PHI DAN KHANH	女	2008-09-07	001308031815	LE 5.21	
12	H52622850200001202	LE THI KHANH LY	女	2008-10-05	001308031957	LE 5.21	
13	H52622850200001203	HO THI HONG ANH	女	2008-12-18	001308033277	LE 5.21	
14	H52622850200001204	TRAN NGOC BAO CHAU	女	2008-09-29	001308033627	LE 5.21	
15	H52622850200001205	VU NGOC KHANH CHI	女	2008-08-14	001308039024	LE 5.21	
16	H52622850200001206	DUONG THUY TRANG	女	2008-02-13	001308039748	LE 5.21	
17	H52622850200001207	DO THUY DUONG	女	2008-06-11	001308044172	LE 5.21	
18	H52622850200001208	NGUYEN THUY DUONG	女	2008-12-06	001308047235	LE 5.21	
19	H52622850200001209	CAO THI HA CHI	女	2008-05-16	001308047641	LE 5.21	
20	H52622850200001210	TRAN NGOC ANH	女	2008-01-11	001308049742	LE 5.21	
21	H52622850200001211	VU THI THUY CHI	女	2008-10-16	001308051392	LE 5.21	
22	H52622850200001212	NGUYEN HA LINH	女	2008-09-28	001308057324	LE 5.21	
23	H52622850200001213	NGUYEN CHU YEN PHUONG	女	2009-03-01	001309030601	LE 5.21	
24	H52622850200001214	LE THI THUY TIEN	女	2003-07-01	002303001923	LE 5.21	
25	H52622850200001215	BAN THI THUY	女	2003-11-03	002303003794	LE 5.21	
26	H52622850200001216	MAI BICH THAO	女	2004-06-12	002304010828	LE 5.21	
27	H52622850200001217	LOC THI THANH TUYEN	女	2007-06-23	002307005006	LE 5.21	
28	H52622850200001218	DINH THI HONG HIEN	女	2003-01-06	004303000812	LE 5.21	
29	H52622850200001219	VU KIM ANH	女	2004-06-08	004304006365	LE 5.21	
30	H52622850200001220	LOI KIEU TRANG	女	2008-06-28	004308003164	LE 5.21	
31	H52622850200001221	DUONG VAN HA	男	1993-08-06	008093001844	LE 5.21	
32	H52622850200001222	DUONG THI THUY LINH	女	1996-10-26	008196008231	LE 5.21	
33	H52622850200001223	DUONG KHANH LY	女	2008-01-11	008308005279	LE 5.21	
34	H52622850200001224	DAO MINH NGOC	女	2008-11-24	008308006836	LE 5.21	
35	H52622850200001225	TRANG DIU CUONG	男	2003-09-12	010203008876	LE 5.21	
36	H52622850200001226	VU PHUONG THAO	女	2002-08-09	010302006642	LE 5.21	
37	H52622850200001227	VU THI THUY TIEN	女	2008-06-21	010308000499	LE 5.21	
38	H52622850200001228	NGUYEN KHANH HUYEN LINH	女	2007-01-13	011307000399	LE 5.21	



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 28.2.2026 - TRÌNH ĐỘ HSK 5 - IE 4.13

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H52622850200001229	NGUYEN THI TRA	女	1992-10-22	027192012075	IE 4.13	
2	H52622850200001230	TRAN NGOC TRI DUNG	男	2008-05-13	027208007500	IE 4.13	
3	H52622850200001231	NGUYEN THI HANG	女	2005-08-03	027305010704	IE 4.13	
4	H52622850200001232	MAN THI SEN	女	2006-10-31	027306008178	IE 4.13	
5	H52622850200001233	NGUYEN NGOC LINH CHI	女	2007-10-31	027307005298	IE 4.13	
6	H52622850200001234	NGO THI HUONG LY	女	2007-06-20	027307008193	IE 4.13	
7	H52622850200001235	VUONG NGOC LINH	女	2007-06-01	027307010939	IE 4.13	
8	H52622850200001236	NGUYEN QUYNH MAI	女	2008-11-02	027308000221	IE 4.13	
9	H52622850200001237	NGHIEM THI HONG NHUNG	女	2008-02-29	027308003346	IE 4.13	
10	H52622850200001238	HUYNH BAO LINH	女	2008-07-01	027308003463	IE 4.13	
11	H52622850200001239	NGO THI HAI ANH	女	2008-06-08	027308004203	IE 4.13	
12	H52622850200001240	LAI QUYNH TRANG	女	2008-11-02	027308009329	IE 4.13	
13	H52622850200001241	NGUYEN DO DUY	男	1988-11-11	030088007473	IE 4.13	
14	H52622850200001242	NGUYEN BAO KHANH	男	2007-07-22	030207000903	IE 4.13	
15	H52622850200001243	NGUYEN PHUONG THAO	女	2002-05-27	030302003726	IE 4.13	
16	H52622850200001244	NGUYEN THI THU HOAI	女	2005-03-02	030305004475	IE 4.13	
17	H52622850200001245	NGUYEN KIM KHANH	女	2006-07-01	030306005182	IE 4.13	
18	H52622850200001246	NGO GIA LINH	女	2006-08-02	030306009938	IE 4.13	
19	H52622850200001247	DUONG THI LINH	女	2007-03-16	030307013688	IE 4.13	
20	H52622850200001248	PHAM MANH TRUONG	男	1993-06-01	031093003210	IE 4.13	
21	H52622850200001249	NGUYEN THI THU UYEN	女	2006-02-10	031306004873	IE 4.13	
22	H52622850200001250	PHAM NHU MAI THUY	女	2006-08-14	031306009400	IE 4.13	
23	H52622850200001251	NGUYEN THI PHUONG LINH	女	2007-06-21	031307003521	IE 4.13	
24	H52622850200001252	UONG THI HA LINH	女	2007-12-04	031307005994	IE 4.13	
25	H52622850200001253	HOANG THU YEN	女	2007-04-12	031307008923	IE 4.13	
26	H52622850200001254	NGUYEN THI MAI HOA	女	2007-02-18	031307011423	IE 4.13	
27	H52622850200001255	NGUYEN NGOC ANH	女	2007-02-23	031307012835	IE 4.13	
28	H52622850200001256	NGUYEN THI KHANH LY	女	2008-10-05	031308002474	IE 4.13	
29	H52622850200001257	NGUYEN PHUONG THAO	女	2008-05-22	031308006216	IE 4.13	
30	H52622850200001258	DINH THAO MY	女	2008-10-13	031308008158	IE 4.13	
31	H52622850200001259	BUI HONG TRAM ANH	女	2008-04-18	031308011424	IE 4.13	
32	H52622850200001260	DANG THI MY QUYNH	女	2008-04-09	031308013859	IE 4.13	
33	H52622850200001261	DANG THUY LINH	女	2008-11-11	031308014645	IE 4.13	
34	H52622850200001262	DINH TRA MY	女	2008-10-13	031308014689	IE 4.13	
35	H52622850200001263	NGUYEN THI THUY HOA	女	2008-01-28	031308016022	IE 4.13	
36	H52622850200001264	PHAM THU TRANG	女	1999-09-09	033199010405	IE 4.13	
37	H52622850200001265	NGUYEN TUNG ANH	男	2007-11-17	033207010852	IE 4.13	
38	H52622850200001266	LUU MINH THANH	男	2008-05-16	033208009006	IE 4.13	



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 28.2.2026 - TRÌNH ĐỘ HSK 5 - LR 3.8

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H52622850200001267	TRAN KHANH NAM	男	1998-04-04	001098000649	LR 3.8	
2	H52622850200001268	LE THI BICH	女	1984-01-21	001184019439	LR 3.8	
3	H52622850200001269	NGUYEN THI DIEU LINH	女	1994-06-14	001194024362	LR 3.8	
4	H52622850200001270	NGUYEN PHUONG THAO	女	1998-12-24	001198001182	LR 3.8	
5	H52622850200001271	NGUYEN HUYEN MY	女	1999-06-03	001199029084	LR 3.8	
6	H52622850200001272	NGUYEN DUC MINH	男	2006-06-24	001206021405	LR 3.8	
7	H52622850200001273	DU NAM ANH PHUC	男	2007-10-19	001207006881	LR 3.8	
8	H52622850200001274	LUNGU LIU THANH	男	2007-09-11	001207052202	LR 3.8	
9	H52622850200001275	NGUYEN VIET BAO TRUNG	男	2008-11-17	001208015520	LR 3.8	
10	H52622850200001276	TRAN HAI NAM	男	2008-10-18	001208017803	LR 3.8	
11	H52622850200001277	NGUYEN HONG HAI	男	2008-02-17	001208020096	LR 3.8	
12	H52622850200001278	TRAN MINH PHUONG	男	2008-02-03	001208063247	LR 3.8	
13	H52622850200001279	THACH QUOC MINH	男	2008-02-26	001208064429	LR 3.8	
14	H52622850200001280	LE THI PHUONG	女	2001-08-24	001301011861	LR 3.8	
15	H52622850200001281	NGUYEN THI VAN ANH	女	2001-04-28	001301036670	LR 3.8	
16	H52622850200001282	DAO THU TRANG	女	2002-08-18	001302015492	LR 3.8	
17	H52622850200001283	THAM MINH CHAU	女	2003-09-06	001303004541	LR 3.8	
18	H52622850200001284	NGUYEN THU PHUONG	女	2003-06-14	001303005887	LR 3.8	
19	H52622850200001285	TA THU PHUONG	女	2003-10-07	001303007752	LR 3.8	
20	H52622850200001286	NGUYEN THI NHUNG	女	2003-04-04	001303036274	LR 3.8	
21	H52622850200001287	NGUYEN MINH ANH	女	2004-11-11	001304006515	LR 3.8	
22	H52622850200001288	NGUYEN PHAM LINH NHI	女	2004-12-04	001304022018	LR 3.8	
23	H52622850200001289	NGUYEN TRA MY	女	2005-06-30	001305011157	LR 3.8	
24	H52622850200001290	LE THI THUY TIEN	女	2005-05-13	001305029068	LR 3.8	
25	H52622850200001291	TRUONG PHUONG TRA	女	2006-01-11	001306000331	LR 3.8	
26	H52622850200001292	LAI TRAN THUY VY	女	2006-12-04	001306025390	LR 3.8	
27	H52622850200001293	CAM THI DIEU LINH	女	2006-02-25	001306026998	LR 3.8	
28	H52622850200001294	TRUONG MAI LINH	女	2006-03-02	001306033117	LR 3.8	
29	H52622850200001295	KHUAT THI TU ANH	女	2007-08-01	001307006215	LR 3.8	
30	H52622850200001296	TRAN KHANH MY	女	2007-10-01	001307008052	LR 3.8	
31	H52622850200001297	NGUYEN PHUONG LINH	女	2007-08-29	001307012666	LR 3.8	
32	H52622850200001298	LE HAI LY	女	2007-04-09	001307013066	LR 3.8	
33	H52622850200001299	NGUYEN THI PHUONG NHI	女	2007-09-23	001307016448	LR 3.8	
34	H52622850200001300	LAI NGUYEN THUY TRANG	女	2007-09-22	001307022522	LR 3.8	
35	H52622850200001301	NGUYEN LINH NGA	女	2007-03-09	001307027269	LR 3.8	
36	H52622850200001302	CAN THUY TRANG	女	2008-03-10	001308002898	LR 3.8	
37	H52622850200001303	CHU THI HA MY	女	2008-03-18	001308006661	LR 3.8	
38	H52622850200001304	NGUYEN MINH CHAU	女	2008-10-09	001308009599	LR 3.8	